



CHƯƠNG 6

QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH

NỘI DUNG CHƯƠNG 6

- Khái quát về quản trị tài chính
- Các nguồn cung ứng vốn cho doanh nghiệp
- Phân tích tài chính doanh nghiệp

1. Khái quát về quản trị tài chính

■ Bản chất và vai trò của tài chính Doanh nghiệp

*Tài chính Doanh nghiệp là quá trình tạo lập, phân phối và sử dụng quỹ tiền tệ phát sinh trong quá trình hoạt động của Doanh nghiệp nhằm góp phần đạt tới các mục tiêu của Doanh nghiệp.

*Trong các Doanh nghiệp, có những quan hệ tài chính sau:

- Quan hệ giữa Doanh nghiệp với Nhà nước
- Quan hệ giữa doanh nghiệp với các nhà đầu tư, cho vay, với bạn hàng và khách hàng
- Quan hệ trong nội bộ doanh nghiệp

1. Khái quát về quản trị tài chính

■ Bản chất và vai trò của tài chính Doanh nghiệp

*Vai trò của tài chính doanh nghiệp:

- Hoạt động tài chính doanh nghiệp có vai trò trong việc chủ động tạo lập vốn, đảm bảo nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Hoạt động của tài chính doanh nghiệp có vai trò quan trọng trong việc tổ chức, sử dụng vốn một cách tiết kiệm và có hiệu quả, đảm bảo khả năng sinh lời và bảo toàn vốn.
- Hoạt động của tài chính doanh nghiệp được sử dụng như một công cụ để kích thích thúc đẩy quá trình sản xuất kinh doanh.
- Tài chính doanh nghiệp còn là một công cụ quan trọng để kiểm tra, kiểm soát các hoạt động sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp.

1. Khái quát về quản trị tài chính

■ Quản trị tài chính

**Khái niệm:* Quản trị tài chính là việc lựa chọn và đưa ra các quyết định tài chính, tổ chức thực hiện những quyết định đó nhằm đạt được mục tiêu của hoạt động tài chính của doanh nghiệp, đó là tối đa hoá lợi nhuận, không ngừng làm gia tăng giá trị của doanh nghiệp và làm tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường.

**Chức năng của quản trị tài chính:*

- Tạo lập và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn vốn phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong từng thời kỳ.
- Đảm bảo các quyết định đầu tư đúng lúc, đúng chỗ và có hiệu quả.

1. Khái quát về quản trị tài chính

■ Quản trị tài chính

**Nhiệm vụ của quản trị tài chính :*

- Phân tích tài chính và hoạch định tài chính
- Xác định thời điểm cần vốn
- Tìm các nguồn cung ứng vốn thích hợp.

**Nội dung của quản trị tài chính:*

- Hoạch định và kiểm soát tài chính doanh nghiệp
- Hoạch định và quản trị các dự án đầu tư
- Quản trị các hoạt động tài chính ngắn hạn
- Quản trị các nguồn cung ứng vốn
- Chính sách phân phối
- Phân tích tài chính doanh nghiệp

2. Các nguồn cung ứng vốn cho doanh nghiệp

■ Phân biệt các nguồn cung ứng vốn trong doanh nghiệp :

-Nếu căn cứ vào tính chất sở hữu:

+Nợ phải trả

+Vốn chủ sở hữu

-Nếu căn cứ vào phạm vi phát sinh:

+Nguồn cung ứng từ nội bộ doanh nghiệp như:

+Nguồn cung ứng từ bên ngoài

-Nếu căn cứ vào thời hạn sử dụng:

+Nguồn cung ứng ngắn hạn (≤ 1 năm)

+Nguồn cung ứng dài hạn (> 1 năm)

2.1.Nguồn cung ứng từ nội bộ doanh nghiệp

- Khấu hao TSCĐ
- Tích lũy để tái đầu tư
- Điều chỉnh cơ cấu tài sản

2.2. Các nguồn cung ứng vốn từ bên ngoài

- Cung ứng vốn từ ngân sách Nhà nước
- Phát hành cổ phiếu
- Phát hành trái phiếu doanh nghiệp
- Vay vốn của ngân hàng thương mại
- Tín dụng thương mại từ nhà cung cấp
- Tín dụng thuê mua
- Nguồn khác

Cung ứng vốn từ ngân sách Nhà nước

- Nguồn cung ứng này ngày càng bị thu hẹp cả về quy mô và phạm vi cấp vốn.
- Đối tượng được cung ứng vốn theo hình thức này thường phải là các doanh nghiệp Nhà nước được Nhà nước xác định duy trì để đóng vai trò chủ đạo; các dự án đầu tư ở những lĩnh vực sản xuất hàng hoá công cộng, hoạt động công ích mà tư nhân không muốn hoặc không có khả năng đầu tư; các dự án đặc biệt quan trọng đặc biệt do Nhà nước trực tiếp đầu tư.

Phát hành cổ phiếu

- Khái niệm cổ phiếu: Cổ phiếu là chứng chỉ xác nhận quyền sở hữu của cổ đông trong công ty cổ phần và cho phép người sở hữu nó được hưởng những quyền lợi từ công ty.
- Phát hành cổ phiếu là hình thức cung ứng vốn trực tiếp từ thị trường tài chính.
- Đặc trưng của hình thức cung ứng vốn bằng phát hành cổ phiếu:

Tăng vốn mà không tăng nợ của doanh nghiệp bởi những người sở hữu cổ phiếu sẽ trở thành cổ đông của doanh nghiệp và chỉ có những doanh nghiệp được phép mới được khai thác nguồn vốn này (công ty cổ phần, doanh nghiệp nhà nước có quy mô lớn).

Phát hành trái phiếu doanh nghiệp

- Khái niệm: Trái phiếu doanh nghiệp là chứng chỉ vay vốn do doanh nghiệp phát hành, thể hiện nghĩa vụ và sự cam kết của doanh nghiệp thanh toán số lợi tức và tiền vay vào thời hạn đã xác định cho người nắm giữ trái phiếu.
- Phát hành cổ phiếu là hình thức cung ứng vốn trực tiếp từ thị trường tài chính.
- Đặc trưng của hình thức huy động vốn từ phát hành trái phiếu:
Tăng vốn gắn với tăng nợ của doanh nghiệp.

Vay vốn của ngân hàng thương mại

Đây là hình thức doanh nghiệp vay vốn dưới các hình thức cụ thể: vay ngắn hạn, vay trung hạn, vay dài hạn từ các ngân hàng thương mại. Đây là mối quan hệ tín dụng giữa một bên đi vay và một bên cho vay.

-Ưu điểm:Có thể huy động được lượng vốn lớn, đúng hạn và được các chuyên gia tham gia thẩm định dự án nếu có cầu vay đầu tư lớn.

-Hạn chế:

+Doanh nghiệp phải có uy tín, kiên trì đàm phán, chấp nhận các thủ tục ngặt nghèo.

+Phải tính toán trả nợ theo đúng tiến độ kế hoạch.

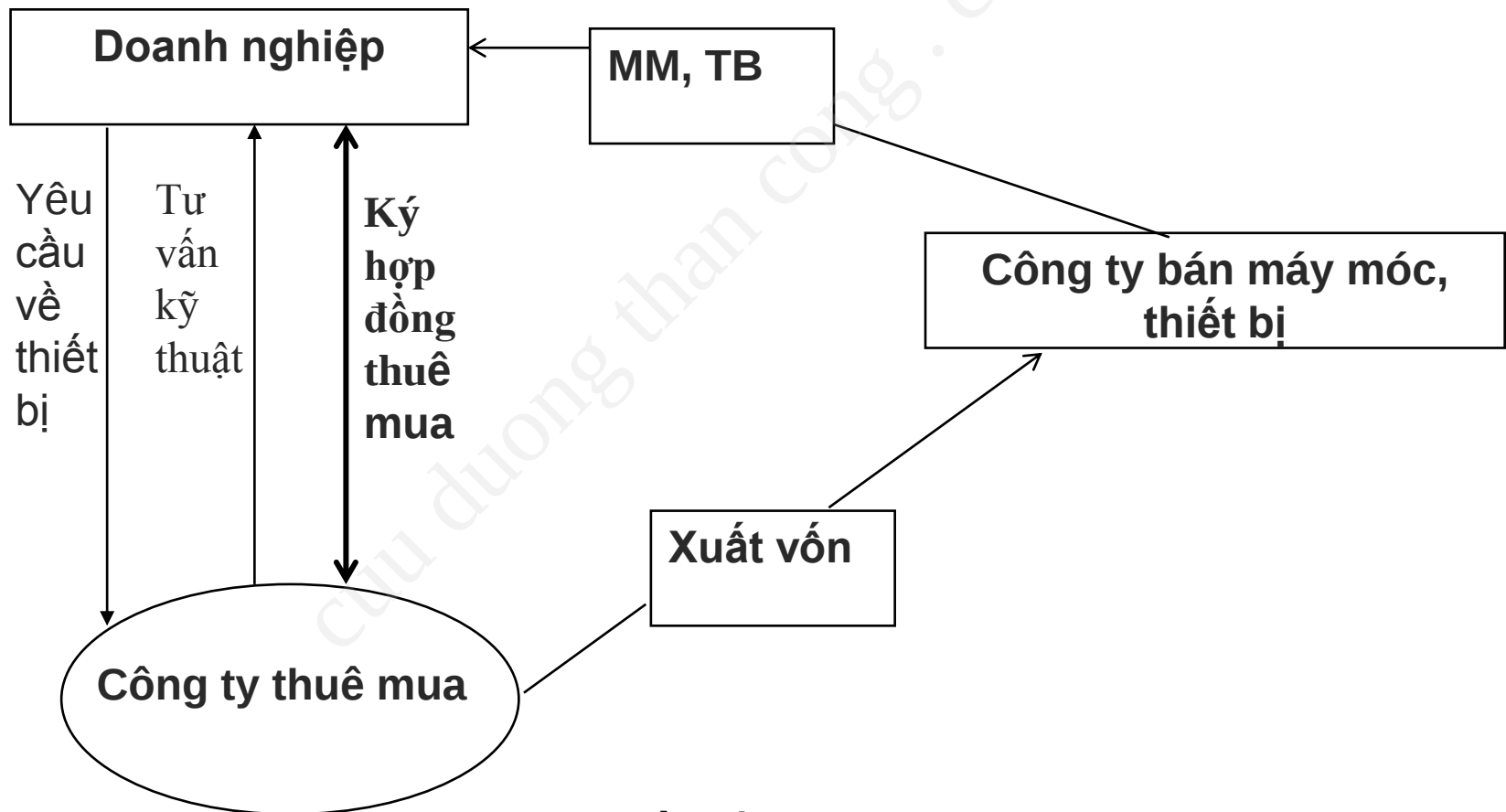
+Có thể bị chia quyền kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp cho ngân hàng trong thời gian cho vay.

Tín dụng thương mại từ nhà cung cấp

Nguồn vốn tín dụng thương mại được hình thành khi doanh nghiệp nhận được tài sản, dịch vụ của người cung cấp song chưa phải trả tiền ngay.

- Quy mô nguồn vốn tín dụng thương mại phụ thuộc vào:
 - Số lượng hàng hoá, dịch vụ mua chịu.
 - Giá cả hàng hoá, dịch vụ mua chịu
 - Thời hạn mua chịu. Thời hạn mua chịu phụ thuộc vào: Tình hình của cả người mua và người bán, khả năng cạnh tranh của sản phẩm được cung cấp, chiết khấu thanh toán.

Tín dụng thuê mua



Hình 9.1: Sơ đồ biểu diễn quan hệ thuê mua

Tín dụng thương mại từ nhà cung cấp

Nguồn vốn tín dụng thương mại được hình thành khi doanh nghiệp nhận được tài sản, dịch vụ của người cung cấp song chưa phải trả tiền ngay.

- Quy mô nguồn vốn tín dụng thương mại phụ thuộc vào:
 - Số lượng hàng hoá, dịch vụ mua chịu.
 - Giá cả hàng hoá, dịch vụ mua chịu
 - Thời hạn mua chịu. Thời hạn mua chịu phụ thuộc vào: Tình hình của cả người mua và người bán, khả năng cạnh tranh của sản phẩm được cung cấp, chiết khấu thanh toán.

Nguồn khác

- Vốn liên doanh, liên kết
- Nguồn vốn FDI
- Nguồn vốn ODA,...

Thảo luận

Tại sao DN lại phải đa dạng hoá các nguồn cung ứng vốn?



3. Phân tích tài chính doanh nghiệp

■ Ý nghĩa của phân tích tài chính doanh nghiệp

-Phân tích tài chính có ý nghĩa thiết thực đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm đánh giá một cách khái quát tình hình tài chính, năng lực tài chính, khả năng sinh lợi, kỹ thuật lựa chọn và quản lý nguồn vốn để ra các quyết định tài chính và quyết định đầu tư.

-Đánh giá chính xác khả năng đảm bảo hoàn trả nợ vay là rất quan trọng đối với ngân hàng, đối với chủ thể cho vay.

-Phân tích tình hình tài chính cũng có ý nghĩa thiết thực đối với các nhà tài trợ, nhà cung cấp và các nhà đầu tư để đưa ra các quyết định tài trợ, bán chịu, đầu tư hay không đầu tư.

3. Phân tích tài chính doanh nghiệp

■ Nguồn tài liệu

Các báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính là hình thức thể hiện và truyền tải thông tin nhận biết tình hình kinh tế - tài chính, quá trình sản xuất, kinh doanh của đơn vị mà đưa ra các quyết định kinh tế phù hợp với mục tiêu mà mình quan tâm. Các báo cáo tài chính bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán-Mẫu số B01-DN
- Báo cáo kết quả kinh doanh-Mẫu số B02-DN
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ -Mẫu số B03-DN
- Thuyết minh báo cáo tài chính -Mẫu số B09-DN

3. Phân tích tài chính doanh nghiệp

- Phân tích tình hình tài chính qua các chỉ số tài chính
 - Nhóm chỉ tiêu về khả năng thanh toán.
 - Nhóm chỉ tiêu về khả năng hoạt động
 - Nhóm chỉ tiêu về khả năng trả nợ và lãi vay
 - Nhóm chỉ tiêu về khả năng sinh lời

*Nhóm chỉ tiêu về khả năng thanh toán

■ Hệ số thanh toán hiện hành

$$\text{Hệ số thanh toán hiện hành} = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Tổng số nợ ngắn hạn}}$$

■ Hệ số thanh toán nhanh

$$\text{Hệ số thanh toán nhanh} = \frac{\text{TSNH} - \text{Hàng tồn kho}}{\text{Tổng số nợ ngắn hạn}}$$

■ Hệ số thanh toán tức thời

$$\text{Hệ số thanh toán tức thời} = \frac{\text{Tiền} + \text{Đầu tư ngắn hạn}}{\text{Tổng số nợ ngắn hạn}}$$

* Nhóm chỉ tiêu về khả năng hoạt động

■ Hiệu suất sử dụng tổng vốn KD

$$\text{Hiệu suất sử dụng vốn kinh doanh} = \frac{\text{Doanh thu (Doanh thu thuần)}}{\text{Vốn kinh doanh bình quân}}$$

■ Hiệu suất sử dụng tổng vốn lưu động

$$\text{Hiệu suất sử dụng vốn lưu động} = \frac{\text{Doanh thu (Doanh thu thuần)}}{\text{Vốn lưu động bình quân}}$$

■ Hiệu suất sử dụng vốn cố định

$$\text{Hiệu suất sử dụng VCFĐ} = \frac{\text{Doanh thu (Doanh thu thuần)}}{\text{Vốn cố định bình quân}}$$

* Nhóm chỉ tiêu về khả năng hoạt động

■ Vòng quay hàng tồn kho

$$\text{Vòng quay hàng tồn kho} = \frac{\text{Giá vốn hàng bán (DTT)}}{\text{Giá trị HTK BQ}}$$

■ Vòng quay các khoản phải thu

$$\text{Vòng quay các khoản phải thu} = \frac{\text{Doanh thu (Doanh thu thuần)}}{\text{Số dư bq các khoản phải thu}}$$

■ Kỳ thu tiền trung bình

$$\text{Kỳ thu tiền trung bình} = \frac{\text{Các khoản phải thu}}{\text{Doanh thu bình quân ngày}}$$

***Nhóm chỉ tiêu về khả năng trả nợ và lãi vay**

■ **Hệ số nợ**

$$\text{Hệ số nợ} = \frac{\text{Tổng số nợ}}{\text{Tổng tài sản}}$$

■ **Tỷ suất tự tài trợ**

$$\text{Hệ số tự tài trợ} = 1 - \text{Hệ số nợ}$$

■ **Hệ số thanh toán lãi vay**

$$\text{Hệ số thanh toán lãi vay} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế và lãi vay}}{\text{Chi phí trả lãi}}$$

***Nhóm chỉ tiêu về khả năng sinh lời**

■ **Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS - Return on sale)**

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế} * 100}{\text{Doanh thu thuần}}$$

■ **Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA -Return on Assets)**

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế} * 100}{\text{Tổng tài sản bình quân}}$$

■ **Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE -Return on Equity)**

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận trên VCSH} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế} * 100}{\text{Vốn chủ sở hữu bình quân}}$$